

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST – DS ngày 13 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KTVN (TCB)

Trụ sở: Số 19x BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo uỷ quyền : Bà Phạm Thị N – Giám đốc xử lý nợ

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Trần Thị Hồng P – Cán bộ xử lý nợ (theo Giấy uỷ quyền số 873-03/2021/UQ-TCB ngày 20/9/2021 của Giám đốc xử lý nợ).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu T - sinh năm 1970

2.2. Bà Vũ Thị X - sinh năm 1978

Đều ĐKKHTT: Xóm B, thôn PY, xã TY, huyện CM, thành phố Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1933 (mẹ đẻ ông T)
- 3.2. Cháu Nguyễn Thị T1, sinh năm 2002 (con gái ông T, bà X)
- 3.3. Cháu Nguyễn Hữu M, sinh năm 2005 (con trai ông T, bà X)
- 3.4. Cháu Nguyễn Thị A1, sinh năm 2007 (con gái ông T, bà X)
- 3.5. Cháu Nguyễn Hữu V, sinh năm 2010 (con trai ông T, bà X).

Đều ĐKKHKT: Xóm B, thôn PY, xã TY, huyện CM, thành phố Hà Nội

Cụ Nguyễn Thị K, bà Vũ Thị X, cháu Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu T theo Giấy ủy quyền ngày 21/6/2022.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho cháu Nguyễn Hữu M, cháu Nguyễn Thị A1, cháu Nguyễn Hữu V: Ông Nguyễn Hữu T – bố đẻ.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2173/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY và Khế ước nhận nợ số: 2173 ngày 30/9/2010.

Ông Nguyễn Hữu T, bà Vũ Thị X xác nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP KTVN số tiền tạm tính đến 21/6/2022 là **863.502.353** đồng, trong đó: nợ gốc **271.260.605** đồng, nợ lãi **592.241.748** đồng.

Kể từ ngày 22/6/2022, ông Nguyễn Hữu T, bà Vũ Thị X phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Trường hợp ông Nguyễn Hữu T, bà Vũ Thị X không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 561A, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Xóm B, thôn PY, xã TY, huyện CM, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 979508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01541 do UBND huyện CM, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/07/2009 đứng tên ông Nguyễn Hữu T và bà Vũ Thị X. Hợp đồng thế chấp số công chứng 6347 QS04 ngày 27/09/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/9/2010 theo đúng quy định pháp luật. Tài sản đảm bảo được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu T, bà Vũ Thị X đối với TCB. Nếu số tiền thu

được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu T, bà Vũ Thị X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho TCB.

Ông Nguyễn Hữu T, bà Vũ Thị X và những người đang sinh sống trên tài sản đảm bảo tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

3. Về án phí:

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Vũ Thị X có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đã được chính quyền địa phương xác nhận, nên giảm 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà X. Ông T, bà X tự nguyện chịu phần án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 9.952.000 đồng.

Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP KTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0075904 ngày 13/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Mai